

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST
Ngày: 29 – 12 - 2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyên Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên

Bà Trần Thanh Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên
tòa:* Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Toà án nhân dân huyện Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 90/2021/TLST-DS, ngày 12 tháng 04 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2021/QĐXX-ST ngày 05/5/2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 920/2021/QĐST-DS ngày 15/11/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950

Địa chỉ: Tổ 14, ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2021)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1979

Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S có mặt; bà N2, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2020 và các lời trình bày tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 ủy quyền cho ông Đỗ Văn S trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 bà N1 có cho bà N2 vay số tiền 102.000.000 đồng. Vì khi vay không lập văn bản nên ngày 12/12/2020 bà N1 viết giấy có nội dung: “*C mượn dùm N2 30000000 đồng 2020 - Hội 16000-00 - chưa đóng 20 th - 7 15000-00 - mua gạo 220 – th – 11- 3900000 mượn dùm Hội 39 - người hứa tết trả 2020, 30 - tháng 10 - 2.000-000 đồng tổng cộng là 1 trăm 2 triệu 12/12/2020*” và bà N2 viết tên mình vào dưới tờ giấy trên là “*Nguyễn Thị N2*”. Nội dung giấy trên có nghĩa là: C (là bà Nguyễn Thị N1) mượn dùm N2 (là bà Nguyễn Thị N2) nhiều lần với số tiền cụ thể như sau:

- Năm 2019 (không nhớ ngày, tháng), bà N2 có vay của bà N1 số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, không thể chấp, lãi suất tự thỏa thuận, thời gian vay 04 tháng.

- Năm 2020 (không nhớ ngày, tháng), bà N2 có vay của bà N1 vay 16.000.000 đồng mục đích vay để chơi hội, không thể chấp, lãi suất tự thỏa thuận, thời gian vay 03 tháng.

- Ngày 20/07/2020, bà N2 có vay của bà N1 15.000.000 đồng, mục đích kinh doanh gạo, không thể chấp, lãi suất tự thỏa thuận, thời gian vay 03 tháng.

- Tháng 11/ 2020 (không nhớ ngày), bà N2 có vay của bà N1 39.000.000 đồng, mục đích kinh doanh, không thể chấp, lãi suất tự thỏa thuận, thời gian vay 03 tháng.

- Ngày 30/10/2020, bà N2 có vay của bà N1 2.000.000 đồng, mục đích kinh doanh, không thể chấp, lãi suất tự thỏa thuận, thời gian vay 01 tháng.

Tổng cộng 05 lần vay, bà N2 vay của bà N1 với số tiền là 102.000.000 đồng. Bà N1 nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà N2, ông T1 phải có trách nhiệm trả tiền vay gốc, nhưng vợ chồng bà N2 cứ hứa ngày này qua ngày khác và đang có hành vi bỏ trốn nhằm trốn tránh nhiệm trả nợ.

Trên giấy tờ chỉ bà N2 ký tên, nhưng số tiền sau khi vay bà N2 dùng số tiền này để kinh doanh chung và dùng để sinh hoạt chung trong gia đình.

Nay bà N1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N2 cùng chồng ông Đinh Văn T1 phải có trách nhiệm trả cho bà N1 số tiền vay gốc 102.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị N2, ông Đinh Văn T1 không đến tòa nên không có ý kiến gì về vụ án vì vậy không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của đương sự, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày, tranh tụng của đương sự tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Đinh Văn T1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1; buộc bà Nguyễn Thị N2 phải trả cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền 102.000.000 đồng. Về án phí: Bà N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tư cách tố tụng*: Bà Nguyễn Thị N1 ủy quyền cho ông Đỗ Văn S yêu cầu bà Nguyễn Thị N2, ông Đinh Văn T1 phải thanh toán tiền nợ vay. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xác định bà N1 là nguyên đơn; bà N2, ông T1 là bị đơn; ông Đỗ Văn S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bà Nguyễn Thị N2, ông Đinh Văn T1 có địa chỉ tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết là đúng trình tự thủ tục.

[3]. *Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện*: Tranh chấp giữa các đương sự liên quan đến việc thanh toán hợp đồng vay tài sản nên quan hệ pháp luật được xác định là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ngày 12/12/2020 theo bà N1 bà N2 lập tờ giấy vay tiền, bà N2 viết tên bà xác nhận, tính đến ngày khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt bị đơn bà N2 ông T1, Tòa đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng (đến lần thứ hai) cho bà N2 ông T1 nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt bà N2 - ông T1.

Theo Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đề ngày 28/12/2021, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn S có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Đinh Văn T1. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện ủy quyền nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Đinh Văn T1.

[4]. *Về nội dung tranh chấp*:

Theo tờ giấy viết tay lập ngày 12/12/2020 do bà N1 viết có nội dung: “C mượn dùm N2 30000000 đồng 2020 - Hội 16000-00 - chưa đóng 20 th - 7 15000-00 - mua gạo 220 – th – 11- 3900000 mượn dùm Hội 39 - người hứa tét trả 2020,

30 - tháng 10 - 2.000-000 đồng tổng cộng là 1 trăm 2 triệu 12/12/2020” và bà N2 viết tên bà là “Nguyễn Thị N2” phía dưới.

Theo ông Đỗ Văn S ngày 12/12/2020, bà N1 và bà N2 tính toán số nợ còn thiếu và bà N1 viết tờ giấy trên nội dung có nghĩa là: “bà N1 mượn dùm cho bà N2 nhiều lần với số tiền cụ thể như sau: Năm 2019 (không nhớ ngày, tháng), bà N2 có vay của bà N1 số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, không thể chấp, lãi suất tự thỏa thuận, thời gian vay 04 tháng; Năm 2020 (không nhớ ngày, tháng), bà N2 có vay của bà N1 vay 16.000.000 đồng mục đích vay để chơi hụi, không thể chấp, lãi suất tự thỏa thuận, thời gian vay 03 tháng; Ngày 20/07/2020, bà N2 có vay của bà N1 15.000.000 đồng, mục đích kinh doanh gạo, không thể chấp, lãi suất tự thỏa thuận, thời gian vay 03 tháng; Tháng 11/ 2020 (không nhớ ngày), bà N2 có vay của bà N1 39.000.000 đồng, mục đích kinh doanh, không thể chấp, lãi suất tự thỏa thuận, thời gian vay 03 tháng; Ngày 30/10/2020, bà N2 có vay của bà N1 2.000.000 đồng. Tổng cộng 05 lần vay, bà N2 vay của bà N1 số tiền 102.000.000 đồng chưa trả, ngay sau đó bà N1 nhiều lần yêu cầu bà N2, ông T1 trả nợ nhưng ông bà không thực hiện.

Tòa đã ban hành thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ số 440/TB-TA ngày 18/06/2021 yêu cầu bà N2, ông T1 có ý kiến về lời trình bày của ông S và tổng đạt hợp lệ cho bà N2, ông T1. Tuy nhiên đến nay bà N2 không có kiến gì phản đối về lời trình bày trên, mặc nhiên bà thừa nhận lời trình bày của ông S việc bà có vay tiền của bà N1. Mặt khác ông Nguyễn Văn Kên, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thị Lang đều xác nhận là có cho bà N2 vay tiền. Theo ông, bà thì có nghe bà N1 nói là bà N2 thiếu bà N1 số tiền 102.000.000 đồng và có viết cho bà N1 giấy vay tiền. Vào khoảng cuối tháng tháng 12/2020 bà N2 vỡ nợ, trốn tránh không trả nợ, ông bà cùng với bà N1 có đến đòi tiền, thì nghe bà N1 nói với ông T1 là bà N2 còn thiếu bà 102.000.000 đồng chưa trả, khi đó ông T1 cho rằng nếu vợ ông bà N2 thiếu tiền thì ông sẽ bán nhà trả nợ, chứ ông không nợ tiền của ai.

Như vậy có đủ căn cứ xác định hiện bà N2 có mượn của bà N1 số tiền 102.000.000 đồng là có thật. Nay bà N2 cũng không xuất trình được căn cứ gì để chứng minh đã trả số tiền trên. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1, buộc bà N2 thanh toán khoản tiền trên cho bà N1 là có căn cứ pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 74, 147, 217, 220, 227, 228, 157, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Đinh Văn T1.

2. Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 về: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N2.

Buộc bà Nguyễn Thị N2 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền 102.000.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu đồng).

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị N2 phải chịu 5.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAT,VKS,THA
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Vp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nguyên Vũ

